BỘ Y TẾ
VIỆN DINH DƯỠNG
Số: 624 /BC -VDD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 27 tháng 6 năm 2023

V/v: Báo cáo thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đào tạo tiến sĩ năm 2022

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Vụ Giáo dục Đại học

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	SAU ĐẠI HỌC			5	1	20
	Tiến sĩ			5	1	20
1.1	Sức khỏe			5	1	20
1.1.1	Dinh dưỡng	9720401	Sức khỏe	5	1	20

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TTĐT, VT.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN DINH DƯỠNG

PGS.TS. TRẦN THANH DƯƠNG

BỘ Y TẾ
VIỆN DINH DƯỠNG
Số: 659 /VDD -TTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 06 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Vụ Giáo dục Đại học

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2023

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
A	SAU ĐẠI HỌC			
1	Tiến sĩ			
1.1	Tiến sĩ chính quy			
1.1.1	Sức khỏe			
1.1.1.1	Dinh dưỡng	9720401	Sức khỏe	5

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TTĐT, VT.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN DINH DƯỠNG

PGS.TS. TRẦN THANH DƯƠNG

Bộ Y tế
VIỆN DINH DƯỠNG

lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2023

1.Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Dinh dưỡng	9720401	217/QĐ/BGD&ĐT - ĐH&SĐH	17/01/2005	1204/QĐ-BGDĐT	29/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2022

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

2.1 Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ
1	Phan Bích Nga	14/06/1972	011871927	Việt Nam	Nữ	01/09/1999	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
2	Trần Thúy Nga	26/05/1967	011133658	Việt Nam	Nữ	01/01/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ
3	Vũ Văn Tán	27/08/1980	162295617	Việt Nam	Nam	11/11/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
4	Trần Thanh Dương	06/01/1967	034067000042	Việt Nam	Nam	03/10/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ
5	Nguyễn Thị Hồng Minh	29/10/1970	011814076	Việt Nam	Nữ	01/08/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
6	Nguyễn Đỗ Huy	13/04/1965	012414699	Việt Nam	Nam	01/02/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ
7	Huỳnh Nam Phương	15/02/1973	011706071	Việt Nam	Nữ	01/12/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
8	Nguyễn Trọng Hưng	10/02/1977	012496028	Việt Nam	Nam	01/11/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
9	Hoàng Thu Nga	24/11/1978	014178007341	Việt Nam	Nữ	03/10/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
10	Nghiêm Nguyệt Thu	05/08/1974	012006571	Việt Nam	Nữ	01/12/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
11	Tuấn Thi Mai Phương	12/11/1978	001178020032	Việt Nam	Nữ	01/08/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
12	Nguyễn Song Tú	19/07/1971	001171007777	Việt Nam	Nữ	01/08/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
13	Vũ Thị Thu Hiền	31/10/1973	012984428	Việt Nam	Nữ	01/04/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ
14	Bùi Thị Nhung	01/09/1972	013086530	Việt Nam	Nữ	01/03/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ
15	Trương Tuyết Mai	18/12/1975	100637215	Việt Nam	Nữ	01/08/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ
16	Trần Quang Bình	13/01/1972	001072019745	Việt Nam	Nam	01/07/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
17	Lê Danh Tuyên	17/01/1962	011229963	Việt Nam	Nam	01/01/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn	Giáo sư	Tiến sĩ
18	Nguyễn Thị Lương Hạnh	31/12/1975	020175003820	Việt Nam	Nữ	01/04/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
19	Dương Tuấn Linh	27/02/1982	001082005754	Việt Nam	Nam	19/08/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
20	Trần Khánh Vân	18/06/1970	001170002207	Việt Nam	Nữ	01/08/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ
21	Hoàng Thị Đức Ngàn	03/08/1982	031182000408	Việt Nam	Nữ	01/03/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ

2.1.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Dinh dưỡng		
					9720401		
1	Phan Bích Nga	14/06/1972	011871927	Dinh dưỡng	100	1	100
2	Trần Thúy Nga	26/05/1967	011133658	Dinh dưỡng	100	1	100
3	Vũ Văn Tán	27/08/1980	162295617	Dinh dưỡng	100	1	100
4	Trần Thanh Dương	06/01/1967	034067000042	Dinh dưỡng	100	1	100
5	Nguyễn Thị Hồng Minh	29/10/1970	011814076	Dinh dưỡng	100	1	100
6	Nguyễn Đỗ Huy	13/04/1965	012414699	Dinh dưỡng	100	1	100
7	Huỳnh Nam Phương	15/02/1973	011706071	Dinh dưỡng	100	1	100
8	Nguyễn Trọng Hưng	10/02/1977	012496028	Dinh dưỡng	100	1	100
9	Hoàng Thu Nga	24/11/1978	014178007341	Dinh dưỡng	100	1	100
10	Nghiêm Nguyệt Thu	05/08/1974	012006571	Dinh dưỡng	100	1	100
11	Tuấn Thi Mai Phương	12/11/1978	001178020032	Dinh dưỡng	100	1	100
12	Nguyễn Song Tú	19/07/1971	001171007777	Dinh dưỡng	100	1	100
13	Vũ Thị Thu Hiền	31/10/1973	012984428	Dinh dưỡng	100	1	100
14	Bùi Thị Nhung	01/09/1972	013086530	Dinh dưỡng	100	1	100
15	Trương Tuyết Mai	18/12/1975	100637215	Dinh dưỡng	100	1	100
16	Trần Quang Bình	13/01/1972	001072019745	Dinh dưỡng	100	1	100
17	Lê Danh Tuyên	17/01/1962	011229963	Dinh dưỡng	100	1	100
18	Nguyễn Thị Lương Hạnh	31/12/1975	020175003820	Dinh dưỡng	100	1	100
19	Dương Tuấn Linh	27/02/1982	001082005754	Dinh dưỡng	100	1	100
20	Trần Khánh Vân	18/06/1970	001170002207	Dinh dưỡng	100	1	100
21	Hoàng Thị Đức Ngàn	03/08/1982	031182000408	Dinh dưỡng	100	1	100

2.2 Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ
1	Trần Quốc Cường	24/08/1974	058074000047	Việt Nam	Nam	31/12/2021	Hợp đồng thỉnh giảng		Tiến sĩ
2	Nguyễn Thị Việt Hà	12/06/1974	001235698593	Việt Nam	Nữ	31/12/2020	Hợp đồng thỉnh giảng		Tiến sĩ

2.2.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Dinh dưỡng		
					9720401		
1	Trần Quốc Cường	24/08/1974	058074000047	Dinh dưỡng	100	**1**	**100**
2	Nguyễn Thị Việt Hà	12/06/1974	001235698593	Dinh dưỡng	100	**1**	**100**

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Y tế
VIỆN DINH DƯỠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2023

1.Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			12
1	Tiến sĩ			12
1.1	Tiến sĩ chính quy			12
1.1.1	Sức khỏe			12
1.1.1.1	Dinh dưỡng	9720401	Sức khỏe	12

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2023 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			0
1	Tiến sĩ			0
1.1	Tiến sĩ chính quy			0
1.1.1	Sức khỏe			0
1.1.1.1	Dinh dưỡng	9720401	Sức khỏe	4

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng,đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ						
1	Sức khỏe		1	6	14	21	79
1.1	Dinh dưỡng	9720401	1	6	14	21	79
	Tổng cộng giảng dạy tiến sĩ		**1**	**6**	**14**	**21**	**79**

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng,đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ						
1	Sức khỏe		1	6	14	21	79
1.1	Dinh dưỡng	9720401	1	6	14	21	79
	Tổng cộng giảng dạy tiến sĩ		**1**	**6**	**14**	**21**	79

3.2 Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng,đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ						
1	Sức khỏe		0	0	2	2	2
1.1	Dinh dưỡng	9720401	0	0	2	2	2
	Tổng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy tiến sĩ		**0**	**0**	**2**	**2**	**2**

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2022

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	4	2.372,0
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	-	-
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	2	1.972,0
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	2	400,0
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	-	-
1.5	Số phòng học đa phương tiện	-	-
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	-	-
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	200,0
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	-	-
	TỔNG	5	2.572,0